

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 4047/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình khuyến nông
tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023 - 2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 409/TTr-
SNN&PTNT ngày 01 tháng 11 năm 2024 (kèm theo Công văn số 6173/STC-
TCDN ngày 22 tháng 10 năm 2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương
trình khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2025 (gọi tắt là Kế hoạch).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về nghiệp vụ
để các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết và triển khai thực hiện
Chương trình khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2025, đảm bảo theo đúng quy
định hiện hành của pháp luật; đồng thời, theo chức năng nhiệm vụ được giao, có
trách nhiệm chủ động theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan
đến việc tổ chức thực hiện của các đơn vị theo quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm
định và tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện Chương trình khuyến nông tỉnh
Thanh Hóa năm 2025 vào dự toán ngân sách địa phương năm 2025, báo cáo Ủy
ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

3. Căn cứ nội dung Kế hoạch được phê duyệt và theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giao Hội Nông dân tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Trung tâm Khuyến nông tỉnh, Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và Chuyển giao Khoa học công nghệ (Trường Đại học Hồng Đức), Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2025 theo đúng nội dung, mục tiêu đề ra, đảm bảo tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả và đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh, Giám đốc Đài phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và Chuyển giao Khoa học công nghệ (Trường Đại học Hồng Đức), Chủ tịch Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đề b/c);
- Lưu: VT, NN, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2023 - 2025 nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong sản xuất nông nghiệp, tiến tới sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn thông qua việc áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, tiến bộ mới, công nghệ mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm gắn với bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Thông tin tuyên truyền

- Xây dựng và phát sóng 129 chuyên mục khuyến nông trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thanh Hóa, trong đó: 76 chuyên mục truyền hình, 53 chuyên mục truyền thanh (72 chuyên mục truyền hình được dịch ra tiếng Mông và tiếng Thái); 15 bản tin trên chương trình thời sự của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

- Xuất bản 3.000 cuốn lịch sản xuất nông nghiệp năm 2026; 4 số tập san thông tin Nông nghiệp và PTNT; 45.000 tờ gấp về hướng dẫn khoa học kỹ thuật.

- Tổ chức 19 cuộc hội thảo đầu bờ nhân rộng mô hình; 3 cuộc diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp.

- Tổ chức quảng bá khuyến nông: gồm các hoạt động tuyên truyền, quảng bá trên Báo Thanh Hóa, Báo Nông nghiệp Việt Nam.

2.2. Bồi dưỡng, đào tạo và tập huấn

Tổ chức 18 lớp bồi dưỡng tập huấn và đào tạo cho khuyến nông viên cơ sở, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân; 10 lớp tập huấn FFS cho cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân tại các địa phương trong tỉnh.

2.3. Xây dựng và nhân rộng mô hình

Xây dựng và nhân rộng 24 loại mô hình trình diễn khuyến nông về lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản.

II. NỘI DUNG

1. Thông tin tuyên truyền

1.1. Nội dung

1.1.1. Tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng

- Hàng tháng thực hiện các chuyên mục Khuyến nông trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thanh Hóa (mỗi tháng từ 6 - 7 chuyên mục truyền hình, 4 - 5 chuyên mục phát thanh, phần lớn các chuyên mục truyền hình được dịch ra tiếng Mông và tiếng Thái) để tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các mô hình hiệu quả, các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của tỉnh; chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản.

- Tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và khuyến nông; phổ biến các quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, thông tin thị trường, giá cả nông sản... trên trang Website Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo Thanh Hóa, Báo Nông nghiệp Việt Nam; các chuyên mục khuyến nông phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh để đăng phát trên kênh Youtube, fanpage của Đài.

- Trung tâm Khuyến nông tỉnh phối hợp với các cơ quan báo, đài để tuyên truyền, quảng bá hoạt động khuyến nông; khai thác tối đa các trang mạng xã hội để thông tin, tuyên truyền các chính sách, tiến bộ khoa học kỹ thuật và sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, các sản phẩm OCOP của tỉnh.

1.1.2. Tuyên truyền trên các ấn phẩm

- Biên tập, in ấn và phát hành 1.840 cuốn tập san thông tin nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa (4 số, mỗi quý 1 số). Nội dung tập san tập trung tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; giới thiệu các tiến bộ khoa học công nghệ mới, thông tin về thị trường, giá cả, học hỏi kinh nghiệm và các mô hình điển hình sản xuất kinh doanh giỏi để tiếp tục nhân rộng... tập san được gửi tới Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố. Tài liệu này là nguồn cung cấp thông tin kịp thời và hiệu quả cho những cán bộ phụ trách nông nghiệp, khuyến nông ở các địa phương và bà con nông dân trong tỉnh.

- Biên soạn và phát hành 3.000 cuốn nông lịch sản xuất nông nghiệp năm 2026 cấp phát cho các Trung tâm dịch vụ nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố để chuyển giao đến các xã, HTX, khuyến nông viên cơ sở.

- Biên soạn và phát hành 45.000 tờ gấp kỹ thuật sản xuất nông nghiệp để tuyên truyền, hướng dẫn về tiến bộ mới, công nghệ mới, kỹ thuật sản xuất đảm bảo an toàn lương thực, thực phẩm theo hướng nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ... Nội dung dự kiến thực hiện: Trồng trọt 12.000 tờ; chăn nuôi 12.000 tờ; thủy sản: 10.500 tờ; lâm nghiệp: 10.500 tờ. Nội dung

các tờ gấp kỹ thuật sẽ căn cứ vào đăng ký của các địa phương, bám sát vào tình hình thực tế sản xuất, sau đó sẽ lựa chọn những nội dung cụ thể, phù hợp nhất để tổ chức in ấn, cấp phát cho các Trung tâm dịch vụ nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố để chuyển giao đến nông dân.

1.1.3. Tổ chức, tham gia các sự kiện truyền thông

Tổ chức 19 cuộc hội thảo nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả; 3 cuộc diễn đàn khuyến nông với sự tham gia của các nhà quản lý, khoa học, doanh nghiệp và nông dân.

1.2. Đơn vị thực hiện

- Trung tâm Khuyến nông tỉnh chủ trì phối hợp Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan thực hiện.

- Đối với các chuyên mục khuyến nông trên Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh: Về sản xuất giao cho Trung tâm Khuyến nông tỉnh chủ trì; về phát sóng các chuyên mục và đưa chuyên mục trên mạng Internet (youtube, fanpage) của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh giao cho Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện.

2. Bồi dưỡng, đào tạo và tập huấn

2.1. Nội dung

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho khuyến nông viên cơ sở, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân; Nội dung bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, phương pháp, nghiệp vụ, công nghệ thông tin; bổ sung, cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới áp dụng trong sản xuất trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, khuyến cáo các biện pháp khắc phục thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi ... cho khuyến nông viên cơ sở, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân.

- Đào tạo huấn luyện kỹ thuật theo phương pháp FFS trên cây lúa, ớt, ngô, khoai tây (cây lúa 4 lớp; cây ớt 2 lớp; cây ngô 2 lớp; khoai tây 2 lớp) cho khuyến nông viên cơ sở, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân tại các vùng sản xuất trọng điểm của tỉnh theo chu kỳ sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

2.2. Đơn vị thực hiện

Trung tâm Khuyến nông tỉnh chủ trì phối hợp Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức có liên quan thực hiện.

3. Xây dựng và nhân rộng mô hình

3.1. Nội dung

3.1.1. Lĩnh vực trồng trọt

(1) Mô hình thâm canh lúa chất lượng theo chuỗi giá trị: Thực hiện với quy mô 64 ha, áp dụng các biện pháp, tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất như sử dụng giống lúa chất lượng; gieo cấy đúng mật độ, khung lịch thời vụ; quản lý cây trồng tổng hợp (ICM); áp dụng kỹ thuật bón phân cân đối, phun thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)... tại các vùng sản xuất lúa chất lượng tập trung, quy mô lớn theo hướng hàng hóa, nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế gắn với chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu sản phẩm.

(2) Mô hình ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa gắn với tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 48 ha, áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từ khâu làm đất, gieo cấy, thu hoạch... nhằm giảm công lao động, chi phí vật tư đầu vào, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, tăng hiệu quả kinh tế/đơn vị diện tích canh tác, tăng thu nhập cho người nông dân (Nhà nước chỉ hỗ trợ giống, phân bón).

(3) Mô hình thâm canh ngô sinh khối làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi đại gia súc: Thực hiện với quy mô 19 ha nhằm áp dụng các biện pháp, tiến bộ kỹ thuật mới như sử dụng giống ngô sinh khối có năng suất cao; gieo trồng đúng thời vụ, mật độ; quản lý cây trồng tổng hợp (ICM); quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)... trong thâm canh ngô sinh khối giúp người dân chủ động hoàn toàn thức ăn thô xanh cho đại gia súc, đặc biệt là vào mùa đông; rút ngắn thời vụ, tăng hệ số quay vòng sản xuất, giảm chi phí lao động, tăng hiệu quả kinh tế/đơn vị diện tích canh tác.

(4) Mô hình liên kết các hộ trong thâm canh ngô đường (ngô ngọt) theo chuỗi giá trị: Thực hiện với quy mô 9 ha nhằm áp dụng các biện pháp, tiến bộ kỹ thuật mới như sử dụng giống ngô có năng suất, chất lượng cao; gieo trồng đúng thời vụ, mật độ; quản lý cây trồng tổng hợp (ICM); quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)... trong thâm canh cây ngô ngọt tại các địa phương trong tỉnh có điều kiện sản xuất phù hợp với thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, tạo ra sản phẩm an toàn phục vụ ăn tươi và chế biến.

(5) Xây dựng mô hình sản xuất rau, quả theo hướng hữu cơ: Thực hiện với quy mô 13 ha nhằm sản xuất rau, quả an toàn tập trung chuyên canh, áp dụng quy trình sản xuất theo hướng hữu cơ, nâng cao năng suất, sản lượng, tăng hiệu quả kinh tế, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

(6) Mô hình ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lạc gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 9 ha. Áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất như sử dụng giống có năng suất cao, chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện địa phương; áp dụng che phủ nilon, màng phủ sinh học hoặc thực vật; quản lý cây trồng tổng hợp (ICM); sử dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)... nhằm tạo ra sự đột phá về năng suất sản lượng và hiệu quả kinh tế tại các huyện đồng bằng và đồng bằng ven biển trong tỉnh so với điều kiện canh tác cũ của các địa phương.

3.1.2. Lĩnh vực chăn nuôi

(1) Mô hình chăn nuôi gà thịt theo hướng hữu cơ: Thực hiện với quy mô 2.800 con nhằm áp dụng các quy trình chăn nuôi theo hướng hữu cơ, giúp cho chăn nuôi đảm bảo an toàn, hạn chế sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi, giảm chất thải để bảo vệ môi trường, tạo sản phẩm hàng hoá an toàn, chất lượng cao, tăng tính cạnh tranh, đầu ra ổn định từ đó phát triển chăn nuôi bền vững và đáp ứng nhu cầu thực phẩm sạch cho người tiêu dùng.

(2) Mô hình chăn nuôi ngan Pháp thương phẩm đảm bảo an toàn sinh học và an toàn thực phẩm: Thực hiện với quy mô 4.500 con nhằm áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, giúp người chăn nuôi kiểm soát tốt dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho đàn ngan, đem lại năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao hơn so với chăn nuôi truyền thống.

(3) Mô hình chăn nuôi vịt thịt đảm bảo an toàn sinh học và an toàn thực phẩm: Thực hiện với quy mô 4.800 con nhằm áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, giúp người chăn nuôi kiểm soát tốt dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho đàn vịt, đem lại năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao hơn so với chăn nuôi truyền thống.

(4) Mô hình liên kết các hộ trong chăn nuôi vịt sinh sản theo hướng VietGAHP: Thực hiện với quy mô 1.500 con nhằm áp dụng các quy trình chăn nuôi theo hướng VietGAHP, khuyến khích người dân ứng dụng các tiến bộ mới, công nghệ mới để phát triển chăn nuôi vịt sinh sản an toàn, kiểm soát tốt dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho đàn vịt, ngăn ngừa và hạn chế các rủi ro từ các mối nguy cơ gây ô nhiễm ảnh hưởng đến chất lượng trứng và môi trường.

(5) Mô hình liên kết các hộ trong chăn nuôi gà sinh sản theo hướng VietGAHP: Thực hiện với quy mô 1.500 con nhằm áp dụng các quy trình chăn nuôi theo hướng VietGAHP, khuyến khích người dân ứng dụng các tiến bộ mới, công nghệ mới để phát triển chăn nuôi gà sinh sản an toàn, giúp người chăn nuôi kiểm soát tốt dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho đàn gà, ngăn ngừa và hạn chế các rủi ro từ các mối nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng trứng và môi trường.

(6) Mô hình nuôi ong lấy mật theo hướng hữu cơ gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 60 đàn nhằm áp dụng quy trình chăn nuôi theo hướng hữu cơ, đa dạng đối tượng vật nuôi và sản phẩm chăn nuôi, khai thác các tiềm năng sẵn có từ tự nhiên tại các vùng sinh thái phù hợp, phát huy lợi thế vùng miền hướng đến sản xuất hàng hóa đặc trưng, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

3.1.3. Lĩnh vực lâm nghiệp

(1) Mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn theo hướng công nghệ cao gắn với tiêu thụ sản phẩm (keo lai mô): Thực hiện với quy mô 91 ha nhằm chuyển giao tiến bộ mới, công nghệ mới về giống cây trồng lâm nghiệp có khả năng

tăng trưởng nhanh, tạo sinh khối lớn bằng công nghệ nuôi cấy mô; áp dụng biện pháp kỹ thuật trong trồng thâm canh rừng gỗ lớn nhằm tạo ra sản phẩm có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu thị trường và xuất khẩu, góp phần bảo vệ môi trường.

(2) Mô hình trồng rừng thâm canh gỗ ăn hạt bằng cây ghép theo chuỗi liên kết: Thực hiện với quy mô 4 ha nhằm chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về giống, biện pháp kỹ thuật trong trồng rừng thâm canh gỗ ăn hạt bằng cây ghép nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả rừng trồng; đồng thời liên kết sản xuất hình thành chuỗi giá trị nhằm nâng cao hiệu quả sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường.

(3) Mô hình trồng rừng thâm canh cây Tách: Thực hiện quy mô 6,5 ha nhằm ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, biện pháp kỹ thuật trong trồng rừng thâm canh một số loài cây bản địa nhằm đáp ứng nhu cầu gỗ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

(4) Mô hình trồng thâm canh cây dược liệu dưới tán rừng gắn với thị trường tiêu thụ (sa nhân): Thực hiện với quy mô 5 ha nhằm chuyển giao tiến bộ kỹ thuật để phát triển cây dược liệu theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, là vùng nguyên liệu chế biến các sản phẩm OCOP, hình thành chuỗi ngành hàng có giá trị cao, góp phần tạo sinh kế, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu hiện nay.

(5) Mô hình liên kết các hộ trồng thâm canh cây nghệ vàng gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 0,7 ha nhằm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm, phát triển cây nghệ vàng theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, là vùng nguyên liệu chế biến các sản phẩm OCOP, hình thành chuỗi ngành hàng có giá trị cao, góp phần tạo sinh kế, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu hiện nay.

(6) Mô hình trồng rừng thâm canh cây quế gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện với quy mô 6 ha chuyển giao tiến bộ kỹ thuật để phát triển cây quế theo hướng sản xuất hàng hoá, đảm bảo hình thành các vùng trồng quế tập trung tại một số địa phương có điều kiện phù hợp, tạo liên kết sản xuất gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, là vùng nguyên liệu cho chế biến tinh dầu quế đạt sản phẩm OCOP, hình thành chuỗi ngành hàng có giá trị cao; áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị, thương hiệu và sức cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

3.1.4. Lĩnh vực thủy sản

(1) Mô hình liên kết các hộ nuôi tôm thâm canh theo hướng VietGAP: Thực hiện với quy mô 0,8 ha nhằm ứng dụng các công nghệ mới trong nuôi tôm thâm canh, công nghệ sinh học, nuôi tôm 2 giai đoạn; áp dụng quy trình nuôi theo hướng VietGAP, giúp người nuôi kiểm soát tốt dịch bệnh, ngăn ngừa và

hạn chế các rủi ro từ các mối nguy cơ gây ảnh hưởng đến sự an toàn, sức khỏe cho đàn tôm, đem lại năng suất cao, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, tạo thực phẩm sạch cung cấp cho người tiêu dùng.

(2) Mô hình liên kết các hộ nuôi thâm canh cá lồng bè trên hồ, vùng ven biển và hải đảo: Thực hiện với quy mô 750 m³. Ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, quy trình quản lý và chăm sóc trong nuôi cá lồng, bè; sử dụng thức ăn công nghiệp, ứng dụng kỹ thuật nuôi thủy sản biển tiên tiến nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, đa dạng hóa đối tượng nuôi cho giá trị kinh tế cao, tốc độ tăng trưởng nhanh, phù hợp điều kiện tự nhiên tạo sinh kế cho người dân vùng lồng hồ thủy điện, vùng ven biển, hải đảo và vùng miền núi.

(3) Mô hình nuôi cá nước ngọt đảm bảo an toàn thực phẩm vùng miền núi: Thực hiện với quy mô 1,05 ha nhằm phát triển nghề nuôi cá nước ngọt vùng miền núi, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, các quy trình quản lý và chăm sóc trong nuôi các loài thủy sản chủ lực, lợi thế, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và nhu cầu thị trường, cải thiện và nâng cao mức sống, thu nhập cho nông dân miền núi, góp phần giảm nghèo, hướng tới phát triển sản xuất hàng hóa.

(4) Mô hình nuôi thâm canh các đối tượng thủy đặc sản đảm bảo an toàn thực phẩm gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm (nuôi lươn trong bể): Thực hiện với quy mô 420 m² nhằm ứng dụng tiến bộ mới, công nghệ mới, áp dụng quy trình quản lý và chăm sóc trong nuôi thâm canh các đối tượng thủy đặc sản, nâng cao giá trị, thu nhập trên một đơn vị diện tích, tận dụng, cải tạo những trang trại chăn nuôi kém hiệu quả liên kết sản xuất hàng hóa, xây dựng thương hiệu gắn với thị trường tiêu thụ, đáp ứng nhu cầu thị trường.

(5) Xây dựng mô hình nuôi luân canh tôm càng xanh - lúa theo hướng hữu cơ: Thực hiện với quy mô 2,7 ha, áp dụng các quy trình nuôi theo hướng hữu cơ nhằm nâng cao giá trị và thu nhập trên một đơn vị diện tích, đa dạng hóa các sản phẩm, chuyển đổi diện tích lúa vùng chiêm trũng, vùng ven biển nhiễm mặn, năng suất thấp, kém hiệu quả sang nuôi luân canh các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, từng bước hình thành vùng nguyên liệu hữu cơ và xây dựng thương hiệu.

(6) Mô hình ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong khai thác, chế biến và bảo quản sản phẩm thủy sản (ứng dụng đèn LED trên tàu khai thác thủy sản): thực hiện với quy mô 01 tàu nhằm ứng dụng, chuyển giao công nghệ khai thác, hỗ trợ phát triển một số nghề khai thác có hiệu quả, góp phần phát triển các nghề khai thác có tính bền vững, bảo vệ môi trường, nguồn lợi và giảm áp lực khai thác ven bờ, nâng cao sản lượng khai thác, tiết kiệm nhiên liệu, nâng cao hiệu quả, đồng thời giúp ngư dân bám biển dài ngày góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

3.2. Đơn vị thực hiện

- Trung tâm Khuyến nông tỉnh; Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và Chuyển giao Khoa học công nghệ - Trường Đại học Hồng Đức, chủ trì thực hiện theo từng nội dung.

- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân liên quan phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện theo từng mô hình.

III. KINH PHÍ DỰ KIẾN

1. Kinh phí thực hiện dự kiến

Tổng kinh phí: Khoảng 13.653 triệu đồng (mười ba tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu đồng), trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ: Khoảng 9.251 triệu đồng (chín tỷ, hai trăm năm mươi một triệu đồng).

- Đối ứng của người dân tham gia mô hình: Khoảng 4.402 triệu đồng (bốn tỷ, bốn trăm linh hai triệu đồng).

2. Nguồn vốn thực hiện dự kiến

- Từ nguồn sự nghiệp kinh tế hỗ trợ các hoạt động khuyến nông trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2025.

- Vốn đối ứng của người dân tham gia mô hình./.